

Bản án số: 51/2022/DS-PT
Ngày: 12/12/2022
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán:

Ông Nông Hà Nam

Ông Ngôn Ngọc Viên

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/ 2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

- Ông Thẩm Văn A; sinh năm 1962;

- Bà Triệu Thị B; sinh năm 1961;

Cùng trú tại: Xóm O, xã O, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Hà Thị C, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Bị đơn:*

- Anh Lạ Văn D; sinh năm 1981;

- Chị Bé Thị E; sinh năm 1983;

Cùng trú tại: Xóm O, xã O, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phương P; chức vụ: Chủ tịch
Có văn bản xin xét xử vắng mặt

2. Thẩm Thị G

TT: Tổ 7, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng

3. Thẩm Thị H

TT: Xóm Bó Teng, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

4. Thẩm Thị I

TT: Xóm Nà Nhừ, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng

5. Thẩm Văn K

TT: Tổ 4, phường Duyệt Chung, thành phố Cao Bằng

6. Thẩm Thị L

TT: Xóm Bản Gun, xã Thắng Lợi, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng

7. Thẩm Văn M

TT: Phố Cao Bình, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt

8. Lạ Thị Lan N

TT: Xóm O, xã O, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Thẩm Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, ông Thẩm Văn A, bà Triệu Thị B cùng thống nhất trình bày:

Gia đình ông có 01 thửa đất số 265, tờ bản đồ số 1, có diện tích 52.128 m² là đất rừng phòng hộ, được Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/10/2006, thửa đất này có nguồn gốc là của ông bà, cha mẹ để lại. Vào năm 1988, bố của anh D là ông Lạ Văn Tốt đã tự ý kê khai vào sổ 64A, kể từ đó gia đình ông Tốt quản lý sau đó đã đem 10 thửa đất chia cho 03 người con trai, trong đó anh Lạ Văn D được 03 thửa, còn 07 thửa được chia cho Lạ Văn Chiến, Lạ Văn Cầu canh tác, sử dụng cho đến nay. Gia đình ông đã đòi nhiều lần nhưng gia đình anh D không trả nên dẫn đến tranh chấp. Sự việc tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã O hòa giải vào ngày 06/4/2022 theo hướng giao 10 thửa đất đó cho gia đình ông canh tác, sử dụng nhưng do gia đình anh D không đồng ý. Nay ông A khởi kiện, yêu cầu 03 anh em của anh D trả lại những thửa đất đã lấn chiếm với diện tích khoảng 10.000 m².

Bị đơn, anh Lạc Văn D và chị Bé Thị E cùng thống nhất trình bày:

Gia đình anh có tất cả 21 thửa đất nông nghiệp có nguồn gốc của bố, mẹ để lại. Trong đó có 05 thửa 55, 56, 73, 75 và 424 trồng hoa màu và có 01 thửa trồng vầu, những thửa đất này gia đình ông A thường xuyên đến tranh chấp, đã từng bê trộm măng, gây thương tích và ông A đã phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe bằng một bản án dân sự. Năm 2007, anh D là người kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng và sử dụng cho đến nay. Vào ngày 04/4/2022, ông A tiếp tục có hành vi chặt phá 20 cây vầu; phá 01 lán cột gỗ, mái lợp bằng bạt; làm hỏng 01 tấm cốt; phá hàng rào bằng cột gỗ nằm ở phía Đông và phía tây có chiều dài là 7 m, chiều cao khoảng 1,8 m; làm hỏng, nát 153 khóm ngô và 212 cây sắn cao khoảng 15 cm. Nay ông A đòi lấy đất, anh D không nhất trí và có đơn yêu cầu phản tố buộc gia đình ông A phải bồi thường thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là 4.000.000 đồng.

Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã O hòa giải giữa ông A với anh D nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A có yêu cầu Tòa án thành lập hội đồng thẩm định tại chỗ đối với khu đất đang tranh chấp, anh D có yêu cầu xem xét, thẩm định đối với số tài sản bị thiệt hại.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản ngày 30/6/2022, xác định được như sau:

+ Phần đất đang tranh chấp giữa ông A với anh D có 05 thửa gồm: Thửa 55 có diện tích 286 m², thửa 56 có diện tích 634 m², thửa 73 có diện tích 256 m², thửa 75 có diện tích là 83 m² và thửa 424 có diện tích là 921 m². Tất cả những thửa đất này đều thuộc tờ bản đồ số 30 là đất hàng năm khác. Những thửa đất này không có thửa nào tiếp giáp với đất của ông A.

+ Thửa đất 265 của ông Thẩm Văn A có diện tích 52128 m² thuộc tờ bản đồ số 1 là đất rừng phòng hộ có phía Bắc tiếp giáp với thửa 238, 262, phía Nam tiếp giáp với thửa 283, phía Đông tiếp giáp với thửa 268, 279, phía Tây tiếp giáp với thửa 252. Thửa đất này không tiếp giáp với phần đất của 03 anh em nhà anh D và cách các thửa đất đang tranh chấp nơi gần nhất khoảng 88 m.

+ Về tài sản bị thiệt hại: Qua xác minh và thẩm định tại chỗ, tài sản bị thiệt hại gồm: 20 cây vầu bị chặt phá có đường kính trung bình mỗi cây là 6 cm, được định giá là 25.000 đồng 01 cây; 153 khóm ngô, 212 cây sắn có chiều cao trung bình tại thời điểm bị phá là 20 cm, được định giá với tổng số tiền là 500.000 đồng; hàng rào bị phá được định giá là 700.000 đồng; 01 lán được dựng bằng cột gỗ dẽ, mái lợp bạt có chiều dài 02 mét, có chiều rộng 2,5 mét, được tính tiền công dựng,

tiền bạc, tiền cây với trị giá là 850.000 đồng; 01 tấm cốt bị mục nát có giá trị là 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.050.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các bên đương sự không chấp nhận sự thỏa thuận và giữ nguyên yêu cầu tranh chấp đất, yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 689/2022/QĐ-SCBSBA ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ khoản 6; 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 luật đất đai; khoản 2 Điều 164; các Điều 170, khoản 2 Điều 468 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông Thẩm Văn A và bà Triệu Thị B. Anh Lạ Văn D và chị Bé Thị E được quyền chiếm hữu và sử dụng đối với các thửa đất 55, 56,73, 75 và 424 tại tờ bản đồ số 30 thuộc xóm O, xã O đã được Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007, với hộ anh Lạ Văn D và chị Bé Thị E.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lạ Văn D về việc đòi bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm hại. Ông Thẩm Văn A có trách nhiệm bồi thường cho anh D với số tiền là 3.050.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 29/7/2022, nguyên đơn Thẩm Văn A có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Thẩm Văn A giữ nguyên đơn kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm, yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất 265, tờ bản đồ số 1, có diện tích 52.128m². Không nhất trí bồi thường tiền cho nguyên đơn theo như quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn Là Văn D, Bé Thị E nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Về nguồn gốc đất là của gia đình ông A, tuy nhiên ông Tốt là bố của ông D đã tự ý đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Thửa số 265 tờ bản đồ số 1, có diện tích 52.128m² ông A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006. Do không biết xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông A đã tranh chấp

đất với bị đơn, nguyên đơn đã trồng cây trên đất do đó không đồng ý trả tiền cho bị đơn. Yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của ông Thẩm Văn A không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

*** Kiến nghị đối với Tòa án cấp sơ thẩm:**

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các anh Lạc Văn D, Lạc Văn Chiến, Lạc Văn Cầu trả lại quyền sử dụng đất (10 thửa đất) đã sử dụng trái pháp luật. Tuy nhiên, khi thụ lý vụ án, Tòa án chỉ xác định ông Lạc Văn D và bà Bé Thị E là bị đơn là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm căn cứ vào biên bản hòa giải của UBND xã O không có nội dung hòa giải đối với anh Chiến, anh Cầu, và căn cứ vào kết quả thẩm định tại chỗ thấy không có phần đất nào của anh Chiến, anh Cầu tiếp giáp với thửa 265 của gia đình ông A nên nhận định trong Bản án không xem xét yêu cầu khởi kiện của ông A đối với anh Chiến, anh Cầu. Lẽ ra, khi xác định không có căn cứ để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông A đối với các bị đơn Lạc Văn Chiến, Lạc Văn Cầu, Tòa án cấp sơ thẩm phải giải thích, hướng dẫn cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và ra quyết định đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút mới đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ vào tham gia tố tụng (các thành viên trong hộ gia đình); không thu thập ý kiến, quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện về việc đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để làm rõ nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng; không thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài liệu đăng ký kê khai đất qua các thời kỳ; chưa xác định làm rõ nhân thân của anh Lạc Văn D hay Lạc Văn D, ... Tuy nhiên, những thiếu sót này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục và làm rõ tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm... Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Đối với diện tích đất tranh chấp, cả hai bên đương sự đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không đưa các thành viên trong hộ gia đình của các bên đương sự vào tham gia tố tụng là thiếu sót, nhưng tại cấp phúc thẩm đã khắc phục được, nên xét thấy không cần thiết phải hủy vụ án để cấp sơ thẩm giải quyết lại. Tuy nhiên cũng cần nhắc nhở cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[3] *Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Thẩm Văn A.*

Nội dung kháng cáo: Ông Thẩm Văn A yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất 265, tờ bản đồ số 1, có diện tích 52.128m² và không nhất trí trả lại số tiền cho bị đơn như quyết định bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua phần trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Qua kết quả thẩm định tại chỗ, thì 05 thửa đất mà các bên đương sự tranh chấp gồm các thửa đất 55, 56, 73, 75 và 424 tại tờ bản đồ số 30 thuộc xóm O, xã Ổ, huyện Hạ Lang mà hiện nay gia đình anh D đang quản lý, sử dụng thuộc tờ bản đồ số 30 là loại đất hàng năm khác, còn đất ông A quản lý, sử dụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 265 là đất rừng phòng hộ, có diện tích 52.128 m² thuộc tờ bản đồ số 1, giữa phần đất đang tranh chấp với phần đất của ông A quản lý, sử dụng nằm cách xa nhau nơi gần nhất là 88 m, do đó không có căn cứ để khẳng định có việc cấp đất trùng diện tích. Tại khu đất đang tranh chấp, gia đình anh D là người trực tiếp canh tác từ sau khi tan Hợp tác xã (năm 1988), đã được anh D kê khai cấp đổi Giấy chứng nhận vào năm 2007. Gia đình ông A không có khoảng thời gian nào quản lý, sử dụng hoặc kê khai để cấp Giấy chứng nhận đối với 05 thửa đất này và không có tài liệu hay giấy tờ để chứng minh có việc gia đình ông A cho gia đình ông D mượn đất, ngoài ra không có tài liệu chứng minh việc khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

của Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang cho gia đình ông D. Tại phiên tòa ông A cho rằng khi hòa giải ở xã thì xã có giao đất cho ông A được quyền sử dụng là không phản ánh đúng với nội dung biên bản hòa giải tại xã O.

Tại Công văn số 1271/CV-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang đã xác nhận: trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 171307 và AG 179712 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Trong thời gian niêm yết công khai cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông D và ông A không có đơn thư khiếu nại liên quan đến quá trình cấp giấy chứng nhận. Mục đích sử dụng của 05 thửa đất (thửa số 55, 56, 73, 75, 424, tờ bản đồ địa chính số 30 xã O) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 171307 cấp cho ông Lạ Văn D đang quản lý, sử dụng là đất bằng trồng cây hàng năm khác, từ khi tan Hợp tác xã đều do gia đình ông D quản lý sử dụng, khu đất đang tranh chấp (05 thửa nêu trên) không tiếp giáp với bất kỳ thửa đất nào của ông Thẩm Văn A và bà Triệu Thị B. Thửa đất mà ông A đang quản lý sử dụng là đất lâm nghiệp, thửa số 265, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính lâm nghiệp xã O, mục đích sử dụng đất là Đất rừng tự nhiên phòng hộ, thửa đất này cách 05 thửa đất đang tranh chấp nêu trên là 88m.

Theo sơ đồ trích lục hình thể lô đất lâm nghiệp (kèm theo biên bản GĐLN-GRTN và GCNQSDĐ), sơ đồ tranh chấp đất đai, Sổ địa chính và Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa thì thửa đất số 265 thuộc tờ bản đồ số 01 là đất rừng phòng hộ, còn các thửa đất 424, 73, 75, 55, 56 thuộc tờ bản đồ số 30 là đất trồng cây hàng năm khác.

Như vậy có đủ căn cứ để chứng minh phần đất tranh chấp gồm các thửa đất 55, 56, 73, 75 và 424 tại tờ bản đồ số 30 thuộc xóm O, xã O đã được Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 171307 ngày 13 tháng 9 năm 2007 cho hộ anh Lạ Văn D và chị Bé Thị E, nên cấp sơ thẩm đã tuyên bác yêu cầu của ông A về việc kiện đòi quyền sử dụng đối với 5 thửa đất nêu trên là có căn cứ, và buộc ông A phải có trách nhiệm thanh toán số tiền bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm hại cho anh D chị E với số tiền 3.050.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về phần quyền lợi của mình, do đó hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Như vậy, HĐXX phúc thẩm thấy rằng Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện được quyền quản lý, sử dụng phần đất có tranh chấp của ông Thẩm Văn A là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông A

kháng cáo nhưng không có tài liệu bổ sung bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận

Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Đối với kiến nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, yêu cầu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi tại cấp phúc thẩm có đơn xin miễn án phí do đó nguyên đơn được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Thẩm Văn A. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Thẩm Văn A được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước, xác nhận ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số 0002252 ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Nay ông A được hoàn lại số tiền là 300.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- TAND huyện Hạ Lang;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như